

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 07 - 3 - 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Đan Thanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Đào Thị Đoan T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Đoan T: ông Phạm Ngọc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (có mặt).

- Bị đơn: chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1987 (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: thôn S, xã P, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A (viết tắt: Ngân hàng Thương Tín) là ông Phạm Ngọc V trình bày:

Ngày 10/03/2020, chị Trần Thị Thanh H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) lãi suất 2.6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị Trần Thị Thanh H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.397.500 đồng. Cụ thể: Chị H rút tiền vay lần một vào ngày 22/3/2020, số tiền 8.000.000 đồng và rút tiền vay lần hai vào ngày 22/7/2020, số tiền 2.397.500 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Chị Trần Thị Thanh H phải chịu các khoản phí theo quy định, chi tiết lãi, phí trong Tóm tắt sao kê ngày 07/3/2023 mà Ngân hàng đã nộp cho Tòa án. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị Trần Thị Thanh H đã thanh toán cho Ngân hàng, tổng số tiền 8.110.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Phí trễ hạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 22/4/2022, áp dụng là 80.000 đồng/tháng, phí trễ hạn từ ngày 23/4/2022 đến 22/6/2022, áp dụng là 100.000 đồng/tháng, phí trễ hạn từ 23/6/2022 đến ngày 22/7/2022 là 104.454 đồng và phí trễ hạn từ ngày 23/7/2022 đến ngày 22/8/2022 là 148.656 đồng. Tổng phí trễ hạn chị H phải trả cho Ngân hàng là 1.333.110 đồng;

- Lãi phát sinh trong kỳ và của kỳ trước, tính từ ngày 22/3/2020 đến ngày 22/8/2022 là 10.079.143 đồng;

- Lãi quá hạn tính từ ngày 23/8/2022 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 07/3/2023, là 3.016.858 đồng;

- Phí vượt hạn mức là 200.000 đồng;

- Phí thẻ là 897.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị Trần Thị Thanh H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 22/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm ngày 22/8/2022, là 11.779.895 đồng để áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) để tính lãi quá hạn đối với dư nợ này.

Tính đến ngày 07/03/2023, chị Trần Thị Thanh H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ tính đến ngày 22/8/2022 là 11.779.895 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày 07/3/2023 là 3.016.858 đồng. Tổng cộng, tính đến ngày 07/3/2023, chị H còn nợ của Ngân hàng và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị H trả nợ tổng số tiền là 14.796.753 đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*) và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của dư nợ chưa thanh toán (dư nợ là 11.779.895 đồng), theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản dư nợ này.

Quá trình tố tụng, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/02/2023,

bị đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị xác nhận có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2022, nội dung hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, quá trình vay tiền, thanh toán tiền vay, cũng như các khoản phí và lãi như Ngân hàng trình bày tại Bản tóm tắt sao kê mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án là đúng. Chị xác nhận còn nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ tính đến ngày 08/02/2023, tổng số tiền là 14.383.275 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng*), trong đó gồm: Dư nợ tính đến ngày 22/8/2022 là 11.779.895 đồng; Nợ tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày 08/02/2023 là 2.603.380 đồng. Chị H đồng ý tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số dư nợ chưa thanh toán (Dư nợ là 11.779.895 đồng), theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản dư nợ này.

Do bận con nhỏ, đi lại khó khăn nên chị Trần Thị Thanh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương Tín yêu cầu chị H trả khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2020 (Số Thẻ tín dụng là 356480-0377), tính đến ngày 07/3/2023, tổng số tiền là 14.796.753 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*), trong đó gồm: Dư nợ tính đến ngày 22/8/2022 là 11.779.895 đồng; Nợ tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày 07/3/2023 là 3.016.858 đồng và tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số dư nợ chưa thanh toán (Dư nợ là 11.779.895 đồng), theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 08/3/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản dư nợ này.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.
- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Trần Thị Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi theo Ngân hàng yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng A có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2020 với chị Trần Thị Thanh H với mục đích tiêu dùng cá nhân. Bị đơn chị H cư trú tại thôn Sơn Hải 1, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[2]. Việc vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Thanh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3]. Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương Tín và chị Trần Thị Thanh H xác nhận có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, Số Thẻ: 356480-0377; các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) lãi suất 2.6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân là trên cơ sở tự nguyện. Nội dung và hình thức của hợp đồng tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Xác định số tiền vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2020, mục đích chị H vay tiêu dùng cá nhân và Ngân hàng khởi kiện chỉ yêu cầu cá nhân chị H trả nợ nên đây là khoản nợ riêng của chị H với Ngân hàng. Sau khi vay tiền, chị H không trả đầy đủ lãi và gốc theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2020 mà các bên đã ký kết. Vì vậy chị H là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và Ngân hàng đều xác nhận chị H có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2020. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định tài liệu bên Ngân hàng Thương Tín cung cấp như: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) là chứng cứ hợp pháp.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Thương Tín yêu cầu chị H trả các khoản nợ tính đến ngày 07/3/2023, tổng số tiền là 14.796.753 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*), trong đó gồm: Dư nợ tính đến ngày 22/8/2022 là 11.779.895 đồng, Nợ tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày 07/3/2023 là 3.016.858 đồng. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/02/2023 (BL 52), chị H xác nhận có nợ của Ngân hàng Thương Tín theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2022 (Số thẻ: 356480-0377), dư nợ chưa thanh toán tính đến ngày 22/8/2022 là 11.779.895 đồng, nợ tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày 08/02/2023 là 2.603.380 đồng và đồng ý tiếp tục trả nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn đối với khoản dư nợ chưa thanh toán kể từ ngày 09/02/2023 đến khi trả xong khoản dư nợ này. Xét thấy, Ngân hàng Thương Tín và chị H đều xác nhận chị H còn nợ của Ngân hàng khoản nợ chưa thanh toán tính đến ngày 22/8/2022 với dư nợ là 11.779.895 đồng, đều xác nhận bắt đầu chuyển nợ quá hạn đối với khoản dư nợ này từ ngày 23/8/2022. Chị H cũng đồng ý trả nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/3/2020 bắt đầu từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả xong dư nợ 11.779.895 đồng này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (07-3-2023), chị Trần Thị Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của

số tiền dư nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản dư nợ là phù hợp Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4]. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.796.753 đồng x 5% = 740.000 đồng. Ngân hàng Thương Tín không phải chịu án phí nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Các điều 7, 8, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

1. Buộc chị Trần Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 14.796.753 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*), trong đó gồm: Dư nợ tính đến ngày 22/8/2022 là 11.779.895 đồng, nợ tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày 07/3/2023 là 3.016.858 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (07-3-2023), chị Trần Thị Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán (Dư nợ là 11.779.895 đồng), theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Về án phí: chị Trần Thị Thanh H phải chịu 740.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **327.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng)** theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0001510** ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-3-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:

